

Số: /CTK -BCTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2011

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 6 và 6 tháng năm 2011

### Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng đầu năm

	Năm 2011		Thực hiện 6 tháng 2010
	Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng	
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	+12,0	+9,9	+11,0
<i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i>	+5,0	+4,7	+7,4
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	+11,0	+9,9	+11,3
<i>Dịch vụ</i>	+13,0	+10,0	+10,8
2 Tốc độ tăng GTSX công nghiệp (%)		+12,2	+13,7
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	+9,0	+14,7	-3,9
Trong đó: - trừ dầu thô	+11,0	+10,7	+0,2
4 Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng so với tháng 12 năm trước (%)	<7,0	+11,54	+4,88
5 Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	201.416	50.989	43.994
- Tỷ trọng so với GDP (%)	42,1	25,5	27,1
6 Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		1.641,7	832
7 Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	177.970	98.566,6	79.188,6
Thu ngân sách không tính dầu thô	166.570	83.941,0	71.078,0
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	98.996	52.832,4	42.143,4
<i>Tốc độ tăng (%)</i>	+14,65	+25,4	+34,1
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	62.310	30.200,0	28.160,2
<i>Tốc độ tăng (%)</i>	+8,77	+7,2	+10,2
8 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	30.424	31.075,6	24.706
T.đó: Chi đầu tư phát triển	11.300	10.291,9	9.577,0
<i>Tỷ trọng chi đầu tư phát triển (%)</i>		33,1	38,8
9 Số LĐ được giải quyết việc làm (nghìn người)	265,0	128,1	126,9
Trong đó: Được tạo việc làm mới	120,0	52,1	52,0
10 Sử dụng p.tiện v.tài công cộng (triệu lượt người)	544	...	242,3
11 Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chuẩn thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm)(%)	5,4	5,66	7,2
12 Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông (%)		96,67	94,59

Trong 6 tháng đầu năm, kinh tế của thành phố gặp khó khăn do giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cả hàng hóa và dịch vụ, lãi suất ngân hàng tăng cao so với cùng kỳ đã tác động không nhỏ đến sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư, đặc biệt là trong quý II. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của thành phố quý I tăng 10,3%, sang quý II chỉ còn tăng 9,5%; tính chung 6 tháng tăng 9,9% thấp hơn mức tăng 11% của 6 tháng cùng kỳ năm trước.

**Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12,2%** (mức tăng của cùng kỳ năm 2010 là 13,7%). Tổng vốn đầu tư trên thị trường xã hội ước đạt 50.989 đồng, tăng 15,9% (mức tăng của 6 tháng cùng kỳ 17,1%); trong đó **vốn đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố đạt 6.210 tỷ đồng tăng 12,5% so cùng kỳ** (mức tăng 6 tháng cùng kỳ là 38%). **Xuất khẩu sau khi trừ giá trị dầu thô tăng 10,7%** (cùng kỳ năm trước tăng 0,2%). **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (sau khi loại trừ giá) tăng 8,8%** (cùng kỳ năm trước tăng 21,3%). **Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 24,5%** (cùng kỳ tăng 25,9%), chi ngân sách địa phương tăng 25,8% (cùng kỳ tăng 24,6%).

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế và xã hội trong 6 tháng đầu năm

## I. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN PHẨM NỘI ĐỊA (GDP)

**Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 199.990 tỷ đồng** (theo giá thực tế), **tăng 9,9% so cùng kỳ**, thấp hơn mức tăng 6 tháng năm 2010 là 1,1 điểm phần trăm nhưng cao hơn 2 lần mức tăng của cùng kỳ năm 2009.

### Tổng sản phẩm 6 tháng đầu năm 2011

	Tổng GDP (Tỷ đồng - theo giá thực tế)	Tốc độ tăng so với 6 tháng năm trước (%) (theo giá so sánh)			% Đóng góp vào mức tăng trường 6 tháng 2011
		6 tháng 2009	6 tháng 2010	6 tháng 2011	
<b>Tổng số</b>	<b>199.990</b>	<b>4,6</b>	<b>11,0</b>	<b>9,9</b>	<b>9,9</b>
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>					
- Khu vực nội địa	159.218	4,5	10,6	9,3	7,5
+ Kinh tế Nhà nước	67.160	-0,5	6,0	5,5	1,9
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	92.058	14,0	14,4	12,3	5,6
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	40.772	5,2	12,8	12,0	2,4
<i>Chia theo khu vực</i>					
- Nông lâm thủy sản	1.821	3,6	7,5	4,7	0,05
- Công nghiệp và xây dựng	93.161	3,3	11,3	9,9	4,77
+ Công nghiệp	84.033	3,1	11,1	9,8	4,31
+ Xây dựng	9.128	5,9	13,5	10,7	0,46
- Dịch vụ	105.008	5,9	10,8	10,0	5,04

Trong 9,9% tăng trưởng chung: khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 5,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 4,77%; khu vực nông lâm thủy sản đóng góp 0,05%.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 1.821 tỷ đồng, chiếm 0,9% GDP, tăng 4,7%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 93.161 tỷ đồng chiếm 46,6% GDP, tăng 9,9%. Trong đó công nghiệp chiếm 41,7%, tăng 9,8% ; ngành xây dựng chiếm 4,9%, tăng 10,7%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 105.008 tỷ đồng chiếm 52,4% GDP tăng 10%. Trong đó giá trị tăng thêm ngành thương nghiệp tăng 8,2%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 11,1%, vận tải bưu điện tăng 11,4% .

## II. CÔNG NGHIỆP:

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 6 ước đạt 55.577 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,4% so tháng trước và tăng 12,6% so cùng kỳ. **Sáu tháng đầu năm ước đạt 305.576 tỷ đồng (giá thực tế) tăng 12,2% so với 6 tháng cùng kỳ năm trước.** Trong đó: công nghiệp nhà nước chiếm 14,5% giá trị tổng sản lượng, tăng 4,4%; công nghiệp ngoài nhà nước chiếm 46,1%, tăng 14,3% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 39,4%, tăng 14,3%.

### Giá trị sản xuất công nghiệp

	Trị giá (giá thực tế - tỷ đồng)		% so sánh (tính theo giá so sánh)	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 so với tháng 5	6 tháng so với cùng kỳ
	<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>55.577</b>	<b>305.576</b>	<b>104,4</b>
I. Khu vực trong nước	33.124	185.301	104,1	111,1
1. Trung ương	5.897	34.288	102,0	104,1
2. Địa phương	27.227	151.013	104,8	113,5
- Nhà nước	1.724	10.126	101,8	105,7
- Ngoài nhà nước	25.503	140.887	105,0	114,3
II. Khu vực có vốn ĐTNN	22.453	120.274	105,0	114,3

Trong 27 ngành có 5 ngành sản xuất giảm và 22 ngành tăng. Các ngành giảm là khai thác đá; sản xuất thuốc lá; tái chế, sản xuất và phân phối điện; khai thác và phân phối nước. Trong 22 ngành tăng có 12 ngành tăng cao hơn mức tăng bình quân chung; một số ngành tỷ trọng lớn có mức tăng cao như: da giày

(+33,3%), máy móc thiết bị điện (+22,4%), sản xuất kim loại (+36,3%), vật liệu xây dựng (+17,9), may (+15,1%).

**Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu  
6 tháng so với cùng kỳ năm 2010**

Đơn vị tính : %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	K.vực có vốn nước ngoài
1- Thực phẩm đồ uống	108,4	109,0	106,6
2- Sản xuất thuốc lá	95,4	95,4	-
3- Dệt may	114,0	110,8	122,9
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	133,3	110,6	144,8
5- Hóa chất và SP từ hóa chất	16,5	125,0	91,6
6- Sản phẩm từ cao su, plastic	110,6	109,0	119,3
7- Vật liệu xây dựng	117,9	119,1	115,4
8- Sản xuất kim loại	136,3	137,3	122,2
9- Cơ khí chế tạo <sup>1</sup>	116,3	118,4	113,7
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	109,1	87,8	114,4

**Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương:** tháng 6 ước đạt 5.897 tỷ đồng, tăng 2% so tháng trước. Sáu tháng ước đạt 34.288 tỷ đồng, tăng 4,1% so cùng kỳ. Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 6,7%, doanh nghiệp cổ phần tăng 7%, công ty TNHH một thành viên giảm 5,4%. Trong 19 ngành có 12 ngành tăng, hoá chất (+34,7%), vật liệu xây dựng (+21,6%), máy móc và thiết bị (+15,2%) là những ngành chiếm tỷ trọng lớn. 7 ngành giảm, trong đó ngành sản xuất thuốc lá (-18,3%).

**Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương:** tháng 6 ước đạt 1.724 tỷ đồng, tăng 1,8% so tháng trước. Sáu tháng ước đạt 10.126 tỷ đồng, tăng 5,7% so cùng kỳ. Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 4,8%, doanh nghiệp cổ phần tăng 12,8%, công ty TNHH một thành viên giảm 34,6%. Trong 17 ngành có 9 ngành sản xuất tăng. Chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành sản xuất thuốc lá tăng 19,8%; ngành hóa chất tăng 1%; thực phẩm và đồ uống tăng 2,4%; ngành cao su plastic tăng 4%.

**Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước:** tháng 6 ước đạt 25.503 tỷ đồng, tăng 5% so tháng trước. Sáu tháng ước đạt 140.887 tỷ đồng, tăng 14,3% so

<sup>1</sup> Cơ khí chế tạo bao gồm các ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

cùng kỳ. Trong đó hợp tác xã tăng 21,2%; doanh nghiệp tư nhân tăng 7,4%; công ty TNHH tăng 17%; công ty cổ phần tư nhân tăng 28,4%; công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50% tăng 11%; cá thể tăng 9,6%. Trong 26 ngành có 21 ngành sản xuất tăng, hầu hết các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều tăng: ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 10,9%; dệt tăng 9,9%; may tăng 11,7%; da giày tăng 10,6%; giấy tăng 12,2%; hoá chất tăng 23,2,4%; cao su plastic tăng 9,7%; vật liệu xây dựng tăng 16,5; máy móc và thiết bị điện tăng 57,9%; các sản phẩm kim loại tăng 7,3%. Năm ngành giảm là khai thác đá; thuốc lá; thiết bị văn phòng và máy tính; tái chế; khai thác phân phối nước.

**Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài:** tháng 6 ước đạt 22.453 tỷ đồng, tăng 5% so tháng trước. Sáu tháng ước đạt 120.274 tỷ đồng, tăng 14,3% so cùng kỳ. Trong 22 ngành có 18 ngành sản xuất tăng, trong đó ngành da giày chiếm tỷ trọng cao nhất và cũng có mức tăng cao nhất là 44,8%; may tăng 17,4%; sản xuất kim loại tăng 22,2%; thiết bị văn phòng và máy tính tăng 40,5%; cao su và plastic tăng 19,3%. Ngành hoá chất với tỷ trọng xếp thứ hai vẫn tiếp tục giảm 8,4%.

**Theo phương pháp Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), IIP công nghiệp trên địa bàn 6 tháng tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2010.**

### III. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản 6 tháng đầu năm có mức tăng trưởng khá do thời tiết tương đối thuận lợi cho gieo trồng. Giá trị sản xuất đạt 3.612,4 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 5,7% so cùng kỳ, trong đó hoạt động thủy sản có mức tăng cao hơn mức tăng chung.

#### **Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2011**

ĐVT: Triệu đồng

	Giá thực tế		Giá so sánh	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	% So sánh với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>3.612,4</b>	<b>100,0</b>	<b>1.343,9</b>	<b>105,7</b>
Nông nghiệp	2.673,7	74,0	884,2	105,2
Trồng trọt	885,2	24,5	375,2	103,5
Chăn nuôi	1.547,4	42,8	410,1	106,8
Dịch vụ	241,1	6,7	98,9	104,9
Lâm nghiệp	31,0	0,9	13,3	104,6
Thủy sản	907,7	25,1	446,4	106,7

## 1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp 6 tháng ước thực hiện 2.673,7 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 5,2% so cùng kỳ; trong đó giá trị sản xuất chăn nuôi tăng 6,8%, giá trị sản xuất trồng trọt tăng 3,5%.

### 1.1. Trồng trọt:

\* **Vụ đông xuân:** Tổng diện tích gieo trồng đạt 10.321 ha, giảm 11% (-272 ha) so với cùng kỳ năm trước; trong đó giảm nhiều nhất tại huyện Củ Chi (-1.271 ha).

Diện tích lúa 5.418 ha, chiếm 52,5% tổng diện tích gieo trồng, giảm 18% (giảm 1.193 ha). Năng suất lúa tăng 1,6%; sản lượng lúa ước đạt 24.132 tấn, giảm 16,8%.

Rau: gieo trồng 3.675 ha, tăng 5,5%. Sản lượng đạt 86.103 tấn, tăng 8,3%

Bắp: gieo trồng 592 ha, giảm 24,1%. Đậu phộng 167 ha, tăng 1,8%. Diện tích mía trồng mới 171 ha, giảm 51 ha so cùng kỳ.

\* **Vụ hè thu:** Đã xuống giống 5.646,5 ha lúa, tăng 5,9% so cùng kỳ; Rau gieo trồng 2.707 ha, tăng 2,3%.

\* **Tình hình sinh vật gây hại cây trồng:** Diện tích lúa đông xuân nhiễm rầy nâu 110 ha, chủ yếu ở Củ Chi, Hóc Môn. Vụ Hè thu đến nay đã có 144 ha lúa bị nhiễm rầy nâu ở mức độ nhẹ, tập trung tại Củ Chi.

### 1.2. Chăn nuôi

Giá trị sản xuất chăn nuôi 6 tháng đầu năm 1.547,4 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 6,8% so cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá trị sữa bò tăng 10,8%.

Số lượng gia súc có đến 01/04/2011: Đàn trâu 5.044 con, tăng 7,7% so cùng thời điểm năm trước. Đàn bò 99.869 con, tăng 335 con, trong đó đàn bò sữa 76.595 con, tăng 1,8% (+1.369 con). Riêng đàn bò ta giảm 4,3% (-1.034 con). Đàn heo 308,5 ngàn con, tăng 1,6%, trong đó đàn heo giống chiếm 15,8%, heo rừng lai chiếm 0,9% tổng đàn.

Tổng đàn gà thời điểm 01/04/2011 đạt 134.588 con, chủ yếu do 2 hộ nuôi gia công cho công ty CP và trang trại Củ Chi 1.

## 2. Lâm nghiệp:

Giá trị sản xuất lâm nghiệp 6 tháng đạt 31 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,6% so cùng kỳ, chủ yếu do hoạt động trồng và bảo vệ rừng.

Sáu tháng đầu năm đã trồng mới 44,8 ha rừng tập trung, tăng 27,9% so cùng kỳ năm trước. Công tác phòng chống cháy rừng và quản lý rừng được thực hiện thường xuyên. Từ đầu năm đến nay Chi cục Kiểm lâm đã tuyên truyền cho 9.805 lượt người và ký 912 bản cam kết bảo vệ rừng. Ngoài ra, Chi cục cũng đã tổ chức 485 lượt tuần tra bảo vệ rừng và 216 lượt tuần tra bảo vệ động vật hoang dã. Đã xử

lý các vụ vi phạm nộp ngân sách 946 triệu đồng. Cung cấp cây giống: sáu tháng đầu năm Chi cục Lâm nghiệp đã sản xuất được 250 ngàn cây giống, hiện đã xuất 51 ngàn cây cho 17 đơn vị.

Khai thác lâm sản: tổng sản lượng gỗ khai thác 6 tháng đầu năm 8.000 m<sup>3</sup>, tăng 17,1% so cùng kỳ năm trước. Nguyên liệu giấy đạt 18.184 tấn, giảm 4,8%. Sản lượng củi 1.750 ster, chỉ bằng 90,4% so cùng kỳ.

### 3. Thủy sản:

Giá trị sản xuất thủy sản 6 tháng ước thực hiện 907,7 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó giá trị khai thác tăng 3,9%, giá trị nuôi trồng tăng 7,5%, dịch vụ thủy sản tăng 3,3%.

Tổng sản lượng thủy sản ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay đạt 21.207 tấn, giảm 3,9% so cùng kỳ.

**Nuôi trồng:** tổng diện tích 6.980 ha, xấp xỉ cùng kỳ; trong đó: nuôi cá 1.309 ha, nuôi tôm 4.579 ha. Sản lượng nuôi trồng đạt 10.350 tấn, giảm 7,7% so cùng kỳ; trong đó sản lượng cá 4.388 tấn, giảm 11,3%, sản lượng tôm 4.341 tấn, tăng 20,8%,

**Đánh bắt:** Toàn thành phố hiện có 1.933 hộ hoạt động đánh bắt thủy sản với 4.876 lao động, sử dụng 1.132 tàu thuyền cơ giới (chủ yếu tập trung ở huyện Cần Giờ). Sản lượng khai thác ước đạt 10.857 tấn, xấp xỉ cùng kỳ; trong đó: cá 7.835 tấn (giảm 3,3%), tôm các loại tăng 7,7%.

## IV. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

### 1. Vốn đầu tư

**Tổng vốn đầu tư trên địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm ước thực hiện 50.989 tỷ đồng, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng năm 2010 tăng 17,1%).** Trong đó: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 44.390 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 26,8%; so cùng kỳ tăng 15,8% (6 tháng năm 2010 tăng 17,2%).

#### Tốc độ tăng các nguồn vốn đầu tư xây dựng

	Đơn vị tính: %	
	6 tháng năm 2010	6 tháng năm 2011
<b>Tổng số</b>	<b>17,1</b>	<b>15,9</b>
- Nguồn ngân sách nhà nước	37,2	12,6
- Nguồn doanh nghiệp nhà nước	15,0	14,5
- Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước	15,0	14,7
- Nguồn đầu tư nước ngoài	16,0	20,0
- Nguồn đầu tư hộ dân cư khác	12,2	16,8

Tình hình chung 6 tháng đầu năm vốn thực hiện trên địa bàn so với cùng kỳ có tốc độ tăng chậm hơn cùng kỳ năm trước, do nguồn vốn ngân sách tăng chậm và nguồn vốn của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi lãi suất vay ngân hàng tăng cao nên nhiều doanh nghiệp đã xem xét và cân nhắc trong đầu tư. Bên cạnh đó là thị trường bất động sản đang chững lại, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chung cư, nhà ở giảm xuống,...

**Thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách thành phố:** 6 tháng ước thực hiện 6.210 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch năm (tỷ lệ đạt kế hoạch cao, do kế hoạch vốn đợt 2 chưa được phân bổ) và tăng 12,5% so với cùng kỳ (6 tháng năm 2010 tăng 38%).

Một số khó khăn trong thực hiện vốn 6 tháng đầu năm như sau:

- Nhiều dự án trọng điểm còn thiếu vốn;
- Tiến độ đền bù giải tỏa nhiều dự án lớn còn chậm;
- Năng lực một số nhà thầu trong nước còn yếu, chưa đáp ứng được tài chính, máy móc công nghệ thi công để đảm bảo chất lượng tiến độ;
- Nhiều dự án đang triển khai thi công chưa được bổ sung vốn kịp thời làm chậm tiến độ thi công; ....

#### **Thực hiện nguồn vốn ODA:**

Nguồn vốn này vẫn ưu tiên cho các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng, các dự án thoát nước, cải thiện môi trường nước. Sáu tháng đầu năm ước tính khối lượng thực hiện 744 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 134,9%; so với 6 tháng cùng kỳ năm trước bằng 53,1%, dư tính nguồn vốn này 6 tháng cuối năm tiếp tục tăng ở mức khá.

#### **Vốn đầu tư từ ngân sách thành phố**

	Thực hiện 6 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch năm 2011	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>6.210</b>	<b>54,0</b>	<b>112,5</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	594	64,1	83,4
<b>Cấp thành phố</b>	<b>3.234</b>	<b>50,5</b>	<b>102,2</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	254	69,4	102,7
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>2.976</b>	<b>64,9</b>	<b>126,5</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	400	60,6	73,1

#### **2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ hộ dân:**

Tính đến cuối tháng 5, toàn thành phố đã cấp 17.291 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.055,1 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 15.212 giấy phép, với diện tích 2.812 ngàn m<sup>2</sup> và 2.079 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 243,1 ngàn m<sup>2</sup>.



So với cùng kỳ tăng 12,7% về giấy phép (+1.950) và tăng 7,8% về diện tích (+212,4 ngàn m<sup>2</sup>).

### 3. Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 16/6 đã có 150 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký đạt 1.464,4 triệu USD, trong đó vốn điều lệ là 356,6 triệu USD.

- Theo hình thức đầu tư: 39 dự án liên doanh, vốn đầu tư 210,9 triệu USD và 111 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.253,6 triệu USD.

- Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 20 dự án, vốn đầu tư 1.058,3 triệu USD; ngành xây dựng 19 dự án, vốn đầu tư 11,8 triệu USD; ngành thương mại 44 dự án, vốn đầu tư 133 triệu USD; ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 58 dự án, vốn đầu tư 224,6 triệu USD...

- Theo đối tác đầu tư: Hàn quốc 30 dự án, vốn đầu tư 25,5 triệu USD; Singapore 26 dự án, vốn đầu tư 1.230,6 triệu USD; Nhật Bản 22 dự án, vốn đầu tư 22 triệu USD, Hoa kỳ 12 dự án, vốn đầu tư 11,6 triệu USD, Đài loan 4 dự án, vốn đầu tư 129,9 triệu USD, Hà Lan 5 dự án, vốn đầu tư 24,3 triệu USD, Brunei 1 dự án, vốn đầu tư 5 triệu USD,...

Có 48 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn điều lệ, vốn đầu tư điều chỉnh tăng 177,3 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đến ngày 16/6 đạt 1.641,7 triệu USD (cùng kỳ năm trước 857,9 triệu USD).**

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 16/6 trên địa bàn thành phố là 4.019 dự án với tổng vốn đầu tư 31.326 triệu USD.

## V. NỘI THƯƠNG - GIÁ CẢ

### 1. Nội thương:

Mức tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ tháng 6 ước đạt 36.851 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước: kinh tế nhà nước 7.030 tỷ đồng, tăng 1,8%, kinh tế ngoài nhà nước 28.735 tỷ đồng, tăng 2,2% và kinh tế có vốn nước ngoài 1.085 tỷ đồng, tăng 2%. So với tháng 6/2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tháng 6/2011 tăng 24,4%.

Tính chung 6 tháng đầu năm đạt 214.235 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2010 tăng 33,1%).

- + Kinh tế nhà nước 44.927 tỷ đồng, chiếm 21%, tăng 22,5%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 162.976 tỷ đồng, chiếm 76,1%, tăng 22,7%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 6.332 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 19%.

*Nếu loại trừ biến động giá, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 8,8% (6 tháng đầu năm 2010 tăng 21,3%).*

**Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ  
phân theo ngành hàng**

	Ước thực hiện 6 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 6 tháng so với cùng kỳ năm 2010		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
	<b>Tổng mức</b>	<b>214.235</b>	<b>207.903</b>	<b>6.332</b>	<b>122,5</b>	<b>122,6</b>
Tr.đó: Thương nghiệp	175.178	173.925	1.253	121,2	121,2	130,6
Khách sạn	3.671	1.619	2.051	117,3	131,9	107,9
Nhà hàng	17.533	17.141	392	129,8	129,8	131,5
Dịch vụ du lịch lữ hành	5.568	4.762	806	139,4	139,7	137,5

Theo ngành kinh doanh: thương nghiệp chiếm 76,6% tổng mức, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước; khách sạn, nhà hàng chiếm 9,9% và tăng 27,5%; dịch vụ du lịch lữ hành chiếm 2,6% và tăng 39,4%.

**\*Về du lịch:** doanh thu 6 tháng đầu năm về du lịch của thành phố (bao gồm khách sạn và dịch vụ du lịch lữ hành) đạt 9.239 tỷ đồng, tăng 29,9% và là lĩnh vực có mức tăng cao nhất của các ngành thương mại và dịch vụ. Các công ty kinh doanh lớn đã tập trung tăng cường chất lượng dịch vụ và liên kết với các địa phương để có những sản phẩm tốt với giá cả cạnh tranh. Khách quốc tế đến thành phố ước đạt 1.650 ngàn lượt người, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2010. Và lượng khách đến nhiều nhất từ Hoa kỳ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc,....

**2. Giá cả**

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 0,69% so với tháng 5 và là tháng có mức tăng thấp nhất trong 8 tháng qua:** khu vực thành thị tăng 0,64%, khu vực nông thôn tăng 1,08%. Trong 11 nhóm mặt hàng chỉ có 1 nhóm hàng có mức giá không biến động là “viễn thông” còn lại các nhóm hàng đều có mức tăng; trong đó có 2 nhóm tăng trên 1,5% là: "văn hóa, giải trí du lịch" tăng 1,56% và "hàng hóa và dịch vụ khác" tăng 2,20%.

So với tháng 6/2010 chỉ số giá tiêu dùng tăng 16,54%. Nhóm hàng “ăn và dịch vụ ăn uống” có mức tăng cao nhất là 23,98% (riêng thực phẩm tăng 26,49%, lương thực tăng 21,32%); 2 nhóm hàng tăng cao hơn mức bình quân chung là “nhà ở, điện, nước, chất đốt” tăng 19,64% và "giao thông" tăng 21,76%.

So với tháng 12/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 11,54%; trong đó nhóm hàng "ăn và dịch vụ ăn uống" tăng 16,28% (giá lương thực tăng 7,56% và thực phẩm

tăng 18,4%); nhóm "giao thông" có mức tăng cao nhất trong 6 tháng đầu năm (tăng 20,8%).

### Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng

Đơn vị tính: %

	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
<b>So với tháng trước</b>			
Tháng 1	+0,04	+1,27	+1,01
Tháng 2	+1,31	+1,68	+1,61
Tháng 3	+0,03	+0,78	+2,20
Tháng 4	+0,49	+0,23	+3,16
Tháng 5	+0,63	+0,48	+2,38
Tháng 6	+0,60	+0,35	+0,69
<b>Tháng 6 so với tháng 12 năm trước</b>	<b>+3,13</b>	<b>+4,88</b>	<b>+11,54</b>
<b>Tháng 6 so với tháng 6 cùng kỳ năm trước</b>	<b>+4,55</b>	<b>+9,55</b>	<b>+16,54</b>

Trong 6 tháng đầu năm 2011, giá cả trên thế giới tăng và việc điều chỉnh giá điện, tỷ giá ngoại tệ đã tác động gián tiếp làm tăng giá thành sản phẩm hàng hóa tiêu dùng. Bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm, giá tăng 1,84%; mức tăng tương ứng của năm 2010 là 0,8% và năm 2009 là 0,52%.

### Chỉ số giá 6 tháng đầu năm

(tháng 6 so với tháng 12 năm trước)

Đơn vị tính: %

	6 tháng 2009	6 tháng 2010	6 tháng 2011
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>103,13</b>	<b>104,88</b>	<b>111,54</b>
Ăn và dịch vụ ăn uống	103,76	106,50	116,28
Trong đó: Lương thực	101,83	105,78	107,56
Thực phẩm	103,35	107,15	118,40
Uống và thuốc lá	103,85	103,81	117,73
May mặc, mũ nón giày dép	100,72	104,09	106,51
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	106,27	110,18	106,58
Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,54	102,12	112,85
Dược phẩm và dịch vụ y tế	100,86	101,51	105,47
Đi lại và bưu điện	} 98,49	102,67	105,58
Bưu chính viễn thông		98,60	120,80
Giáo dục	100,16	100,77	98,51
Văn hoá và giải trí	100,96	106,57	100,68
Hàng hóa và dịch vụ khác	110,41	109,20	106,28
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>124,47</b>	<b>99,59</b>	<b>108,09</b>
<b>3. Chỉ số tỷ giá USD</b>	<b>105,28</b>	<b>97,35</b>	<b>105,07</b>

Chỉ số giá vàng tăng 0,45% so với tháng trước; tăng 35,4% so với tháng 6 năm 2010, và tăng 5,07% so với tháng 12/2010. Chỉ số giá USD giảm 0,57% so với tháng trước, giảm 3,06% so với tháng 12/2010 và tăng 8,51% so tháng 6 năm 2010.

**Chỉ số giá bình quân 6 tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ tăng 12,62%** (6 tháng năm 2010 tăng 9,69%).

## VI. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 21.869,5 triệu USD, tăng 3.723 triệu USD so với 6 tháng đầu năm 2010 (tăng 20,5%). Khu vực kinh tế trong nước tăng 2.619,7 triệu USD, tăng 19,4% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài tăng 1.104 triệu USD, tăng 23,8%.

### 1. Xuất khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 6 ước thực hiện 2.212 triệu USD, tăng 0,2% so với tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.690 triệu USD, chiếm tỷ trọng 76,4%, tăng 0,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 522 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,6%, tăng 0,7%. **Nếu không tính trị giá dầu thô, mức xuất khẩu đạt 1.715 triệu USD, tăng 1% so với tháng trước và giảm 2,2% so với tháng 6/2010.**

Sáu tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá **đạt 12.506 triệu USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước.** Kinh tế nhà nước 6.342,8 triệu USD, tăng 24,1%; kinh tế, kinh tế ngoài nhà nước 3.199,8 triệu USD, giảm 3,6% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.963,5 triệu USD, tăng 20%.

Loại trừ trị giá dầu thô, kim ngạch xuất khẩu thực hiện 6 tháng đạt 9.078,4 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ (*cùng kỳ năm trước tăng 0,2%*).

### Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không kể dầu thô)

	Kim ngạch (triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 với tháng 5	6 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>1.715,0</b>	<b>9.078,4</b>	<b>101,0</b>	<b>110,7</b>
Kinh tế Nhà nước	515,5	2.915,2	101,0	121,0
Kinh tế tập thể	1,5	8,6	100,3	109,1
Kinh tế tư nhân	676,0	3.191,1	101,1	96,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	522,0	2.963,5	100,7	120,0

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khu vực kinh tế trong nước ước thực hiện 9.543 triệu USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ; nếu loại trừ giá trị của dầu thô còn lại 6.114,9 triệu USD, tăng 6,7%. Nhìn chung 6 tháng đầu năm trị giá xuất khẩu tăng chủ yếu nhờ giá hàng trên thế giới tăng so với cùng kỳ (giá hạt điều tăng

gần 40%, giá cao su tăng hơn 50%, giá cà phê tăng 70%, hạt tiêu gấp 2 lần) và đơn giá gia công các hàng may mặc và giày dép cũng tăng khá hơn.

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo đạt 1.541,8 ngàn tấn, với giá trị 724,2 triệu USD, giảm 5,7% (tăng 0,7% về lượng và giảm 6,2%).

+ Thủy sản đạt 191,6 triệu USD, tăng 12,3%. Hàng thủy sản tiếp tục bị kiểm soát về chất lượng sản phẩm đặc biệt là thị trường Nhật bản sẽ khó khăn hơn;

+ Sữa 55,1 triệu USD, tăng 29,8%;

+ May mặc 1.036,9 triệu USD, chiếm 17% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 18,1%.

+ Giày dép 272,1 triệu USD, tăng 17,5%;

+ Dầu thô 3.427,6 triệu USD, tăng 26,8% (lượng giảm 11,5%, giá bình quân tăng 43,2%).

## 2. Nhập khẩu.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 6 ước thực hiện 2.449,5 triệu USD, tăng 1,2% so tháng trước và tăng 33,6% so với tháng 6/2010. Khu vực kinh tế trong nước 1.898,5 triệu USD, tăng 1,3%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 510 triệu USD, tăng 1%.

Sáu tháng đầu năm, kim ngạch **nhập khẩu hàng hóa ước đạt 12.791,1 triệu USD, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm trước**. Khu vực kinh tế trong nước 10.008,2 triệu USD, tăng 28,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.782,9 triệu USD, tăng 28,1%.

### Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 với tháng 5	6 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>2.499,5</b>	<b>12.791,1</b>	<b>101,2</b>	<b>128,6</b>
Kinh tế Nhà nước	857,5	4.341,6	101,4	136,5
Kinh tế tập thể	1,0	5,8	100,4	126,1
Kinh tế tư nhân	1.131,0	5.660,9	101,2	123,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	<b>510,0</b>	<b>2.782,9</b>	<b>101,0</b>	<b>128,1</b>

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 6 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa đạt 242,4 triệu USD, tăng 40,2%;

- Nhiên liệu 893,4 triệu USD, gấp 2,3 lần;

- Nguyên phụ liệu may 449,3, tăng 20,4%;
- Phụ liệu giày dép 88,5 triệu USD, tăng 18,9%;
- Sắt thép 115,2 triệu USD, giảm 15,3%;
- Tân dược 413,2 triệu USD, tăng 66,1%;
- Dầu mỡ động thực vật 94,5 triệu USD, tăng 27,9%;
- Chất dẻo 83,6 triệu USD, giảm 9,8%.

## VII. VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

### 1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 6 ước đạt 2.962,1 tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 23,4% so với tháng 6/2010. 6 tháng đầu năm đạt 16.127,4 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2010.

#### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 6 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>10.967,0</b>	<b>5.160,4</b>	<b>122,1</b>	<b>125,0</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.612,6	326,7	103,6	132,9
Kinh tế ngoài nhà nước	8258,6	3.598,2	129,3	125,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	95,8	1.235,5	133,0	121,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	5.467,7	3.994,0	120,7	127,0
Đường sông	960,8	83,4	140,8	127,5
Đường biển	4.500,0	-	120,1	-

### \* Vận tải hàng hóa:

Doanh thu vận tải hàng hóa 6 tháng ước đạt 10.967 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 68% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2010. Doanh thu ngành vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 49,9% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa, tăng 20,7%.

Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển 6 tháng ước đạt 48.834 ngàn tấn với 25.840,6 triệu tấn.km; so với cùng kỳ năm 2010, tăng 16,8% về lượng vận chuyển (tấn) và tăng 3,3% về lượng luân chuyển (tấn.km). Trong đó: vận tải đường bộ ước đạt 25.317 ngàn tấn , tăng 11,9% với 2.667,2 triệu tấn.km, tăng 14,4%; vận tải đường sông ước đạt 12.557 ngàn tấn, tăng 27,6% với 4.213,4 triệu tấn.km, tăng

33,9%. Riêng các đơn vị thuộc kinh tế nhà nước chiếm 15,4% về vận chuyển và 62,9% về luân chuyển.

**\* Vận tải hành khách:**

Doanh thu vận tải hành khách 6 tháng ước đạt 5.160,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu đường bộ chiếm 77,4%, tăng 27%; đường sông chiếm 1,6%, tăng 27,5%. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 69,7% trong tổng doanh thu vận tải hành khách và kinh tế nhà nước chỉ có 6,3%.

Tổng lượng hành khách vận chuyển 6 tháng đầu năm ước đạt 278,9 triệu lượt người (khu vực ngoài nhà nước chiếm 87,8%), với lượng hành khách luân chuyển là 6.110,9 triệu người.km; so với cùng kỳ năm 2010 tăng 17,8% về vận chuyển, tăng 15,6% về luân chuyển.

**2. Hàng hóa thông qua cảng:**

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 6 ước thực hiện 4.972,9 ngàn tấn, tăng 1,5% so tháng trước và giảm 0,7% so với tháng 6/2010. Sáu tháng ước đạt 28.350,6 ngàn tấn, tăng 0,6% so với 6 tháng cùng kỳ năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 10.661,4 ngàn tấn, chiếm 37,6%, tăng 3%; hàng nhập khẩu 13.661,6 ngàn tấn, chiếm 48,2%, tăng 0,5%.

**Hàng hoá thông qua cảng**

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 so tháng 5	6 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>4.972,9</b>	<b>28.350,6</b>	<b>101,5</b>	<b>100,6</b>
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.758,1	27.089,4	101,2	101,0
Cảng sông	214,8	1.261,2	109,1	92,8
<i>* Phân theo loại hàng</i>				
Hàng xuất khẩu	1.837,0	10.661,4	101,0	103,0
Hàng nhập khẩu	2.421,1	13.661,6	101,5	100,5
Hàng nội địa	714,8	4.027,6	103,0	94,5

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 6 ước đạt 487,1 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 17,3% so với tháng 6/2010. Lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 2.649,7 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

**3. Thông tin liên lạc**

**\* Trung ương** (Bưu điện thành phố)

Mạng điện thoại hiện đang hoạt động có 24 tổng đài với 1.267,5 ngàn máy thuê bao cố định, tăng 11,3% so với 6 tháng đầu năm 2010.

Sản lượng bưu chính so với cùng kỳ năm trước: bưu phẩm 39,4 triệu cái, giảm 30,1%; bưu kiện 245,6 ngàn gói, tăng 8,9%... Dự ước doanh thu bưu chính viễn thông 6 tháng đầu năm đạt 2.241,8 tỷ đồng, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

**\* Địa phương:**

Doanh thu bưu chính và viễn thông khu vực địa phương quản lý tháng 6 ước đạt 72,6 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước; 6 tháng đầu năm đạt 500 tỷ đồng, giảm 21,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu viễn thông chiếm 94,9%, giảm 23,1%.

Số điện thoại thuê bao cố định mới trong 6 tháng đầu năm ước đạt 2,1 ngàn số, giảm 22,3% so với cùng kỳ năm trước; số thuê bao internet mới là 1,3 ngàn số, giảm 32,5%.

**VIII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**1. Tài chính:**

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng ước thực hiện 98.566,6 tỷ đồng, đạt 55,4% dự toán, tăng 24,5% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa: 52.832,4 tỷ đồng, đạt 53,4% dự toán, tăng 25,4%; thu từ dầu thô đạt 14.625,6 tỷ đồng, vượt dự toán 28,3%, tăng 80,3%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30.200 tỷ đồng, tăng 7,2%.

**Thu ngân sách trên địa bàn**

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng thu</b>	<b>177.970</b>	<b>98.566,6</b>	<b>55,4</b>	<b>124,5</b>
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>172.706</b>	<b>97.658,0</b>	<b>56,5</b>	<b>124,5</b>
I- Thu nội địa	98.996	52.832,4	53,4	125,4
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	11.920,6	46,2	111,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	12.457,5	46,3	119,0
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	11.202,1	50,5	141,2
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	30.200,0	48,5	107,2
III- Thu từ dầu thô	11.400	14.625,6	128,3	180,3

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 22,6% tổng thu nội địa, tăng 11,7% so cùng kỳ (Nhà nước trung ương 6.879,5 tỷ đồng, tăng 45,3%; Nhà nước địa phương



5.041,1 tỷ đồng, giảm 14,2%). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 12.457,5 tỷ đồng, chiếm 23,6% thu nội địa, tăng 19%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 11.202,1 tỷ đồng, chiếm 21,2% thu nội địa, tăng 41,2%. Các khoản thu khác đạt 17.252,2 tỷ đồng, tăng 32%; trong đó thuế thu nhập cá nhân tăng 56,9%, thu tiền sử dụng đất tăng 72%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 6 tháng ước đạt 20.400,3 tỷ đồng, đạt 57% dự toán, tăng 4% so cùng kỳ năm 2010.

### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>35.422,9</b>	<b>18.437,9</b>	<b>52,1</b>	<b>114,3</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	10.291,9	91,1	107,5
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	684,6	20,4	431,7
II- Chi thường xuyên	18.750,0	8.112,9	43,3	125,3
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	1.023,7	38,1	121,2
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	2.173,2	43,7	126,9
Sự nghiệp y tế	2.161,4	1.011,4	46,8	123,5
Quản lý hành chính	2.717,3	1.193,2	43,9	127,7

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 6 tháng ước thực hiện 18.437,9 tỷ đồng, đạt 52,1% dự toán, tăng 14,3% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển<sup>(2)</sup> ước thực hiện 10.291,9 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 8.112,9 tỷ đồng, tăng 25,3% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.023,7 tỷ đồng, tăng 21,2%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.173,2 tỷ đồng, tăng 26,9%; chi sự nghiệp y tế 1.011,4 tỷ đồng, tăng 23,5%; chi quản lý hành chính tăng 27,7%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 10%; chi đảm bảo xã hội tăng 61,7%.

**Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng ước thực hiện 6 tháng đạt 31.075,6 tỷ đồng, tăng 25,8% so cùng kỳ.**

### 2. Tín dụng ngân hàng:

Thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn thành phố trong những tháng của quý 2 tương đối ổn định, lãi suất huy động VNĐ phổ biến ở mức 13,5-14%/năm; lãi suất cho vay phục vụ sản xuất phổ biến từ 17-20 %/năm. Tuy

<sup>2</sup> Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XDCB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang năm 2011 thanh toán và quyết toán thì chi đầu tư phát triển 6 tháng ước đạt 4.131,4 tỷ đồng, đạt 528% dự toán và bằng 40,3% kế hoạch vốn đợt 1.

nhiên để thu hút nguồn vốn, một số ngân hàng đã áp dụng hình thức khuyến mãi quà tặng trên mức huy động.

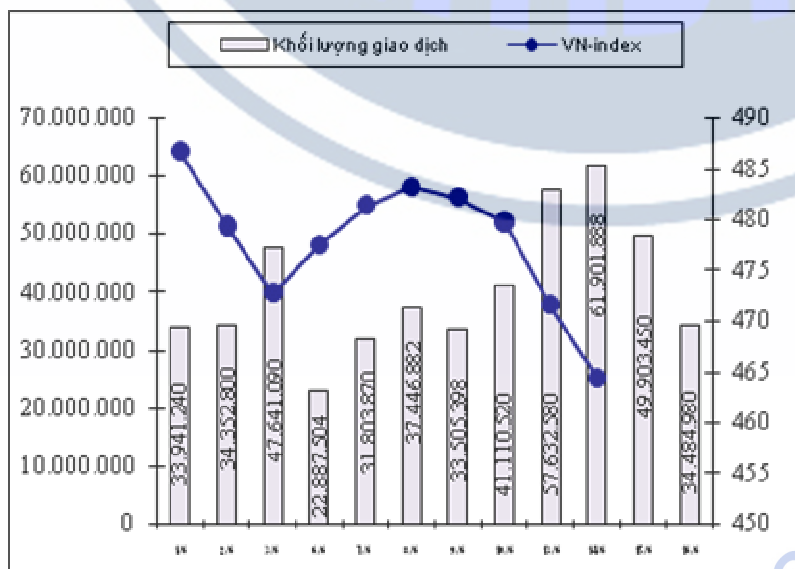
Về lãi suất huy động bằng USD ở trong nước, Ngân hàng Nhà nước sau khi điều chỉnh mức trần lãi suất huy động tiền gửi bằng USD là 3%/năm vào cuối tháng 4, sang tháng 6 lại tiếp tục hạ lãi suất huy động tối đa bằng USD ở mức 0,5-2,0%/năm.

Tình hình huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố cụ thể như sau:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 6 ước đạt 818,9 ngàn tỷ, tăng 22,3% so cùng kỳ và tăng 1,6% so đầu năm. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 60,1% tổng vốn huy động, tăng 22,3% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 26,6%, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 26,1% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 73,4%, tăng 1,6% so tháng trước và tăng 21% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm đạt 299,5 ngàn tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng trước, chiếm 36,6% tổng vốn huy động.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 6 ước đạt 756,4 ngàn tỷ đồng, tăng 23,8% so cùng kỳ, tăng 6,7% so đầu năm. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 387,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 51,2% tổng dư nợ, tăng 24% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 229,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 30,3%, tăng 50,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ tăng 20,2%. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 47,7%, tăng 23,2%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 24,3%.

### 3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 16/6 tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 289 (tăng 3,2% so đầu năm); gồm 284 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 240.548 tỷ đồng, tăng 5,4% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 169.327 tỷ đồng, chiếm 70,4%; trái phiếu đạt 68.460 tỷ đồng,

chiếm 28,5%; chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1,1%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 572.430 tỷ đồng, giảm 3,6% so đầu năm. VN-index tại thời điểm báo cáo đạt 445,17 điểm, giảm 8,1% so đầu năm, tương ứng giảm 39,49 điểm.

Kết quả giao dịch của 16 ngày đầu tháng 6 đạt 486,6 triệu chứng khoán tăng 80,8% so tháng trước, giảm 8,4% so cùng kỳ; bình quân mỗi phiên có 40,6 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị bình quân đạt 693,4 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đạt 4.225,3 triệu chứng khoán, giảm 22,1% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 3.600 triệu chứng khoán, giảm 28,4% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 625,3 triệu chứng khoán, tăng 57,6%; khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 4.174,9 triệu cổ phiếu, giảm 21,5%.

Giá trị giao dịch của 16 ngày đầu tháng 6 đạt 8.321,4 tỷ đồng, tăng 35,2% so tháng trước, giảm 51,6% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 6.816,5 tỷ đồng, chiếm 81,9% tổng giá trị giao dịch, giảm 55,5% so cùng kỳ; giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 8.110,3 tỷ đồng, chiếm 97,5%, giảm 52,7% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, giá trị giao dịch đạt 96.248,4 tỷ đồng, giảm 54,5% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 78.745,6 tỷ đồng, giảm 59,6%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 17.502,8 tỷ đồng, tăng 4,6%; giá trị giao dịch của cổ phiếu đạt 94.963,3 tỷ đồng, giảm 54,8% so cùng kỳ.

### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	16 ngày tháng 6	Lũy kế đến tháng 6	Tháng 6 so tháng 5	6 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch</b> (triệu CK)	486,6	4.225,3	180,8	77,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	483,1	4.174,9	183,5	78,5
Trái phiếu	2,1	10,2	95,5	134,7
Chứng chỉ quỹ	1,4	40,2	37,5	40,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	410,1	3.600,0	194,0	71,6
Giao dịch thỏa thuận	76,5	625,3	132,4	157,6
<b>Tổng giá trị giao dịch</b> (tỷ đồng)	8.321,4	96.248,4	135,2	45,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	8.110,3	94.963,3	136,9	45,2
Trái phiếu	200,0	945,9	101,5	150,5
Chứng chỉ quỹ	11,1	339,2	33,0	30,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	6.816,5	78.745,6	160,1	40,4
Giao dịch thỏa thuận	1.504,9	17.502,8	79,4	104,6

## IX. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

### 1. Hoạt động văn hóa thông tin:

**Hoạt động lễ hội:** Ngành văn hóa thông tin thành phố tổ chức tốt các lễ hội vào các ngày lễ lớn trong năm và các ngày kỷ niệm lịch sử của cả nước như: kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, các hoạt động chào mừng

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, lễ hội đón chào năm mới, lễ Giỗ Tổ Hùng Vương; lễ kỷ niệm 36 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam,... Và đặc biệt năm nay đã tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016.

**Công tác thanh tra, kiểm tra:** Thành phố đã tiến hành kiểm tra 213 cơ sở và ban hành 153 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền phạt là 2.529,8 triệu đồng trên các lĩnh vực: kinh doanh băng đĩa (10), kinh doanh karaoke (18), lữ hành (10), quảng cáo (131), tịch thu tang vật gồm: 13 tivi, 17 đầu karaoke, 16 amply, 30 loa, 14 micro, tịch thu tiêu hủy hơn 71 ngàn đĩa ca nhạc sần khấu không tem nhãn, 326 băng rôn, 68 vật phẩm quảng cáo rượu,... Tước quyền sử dụng giấy phép: 5 cơ sở kinh doanh karaoke, 2 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, buộc tháo dỡ 93 bảng quảng cáo vi phạm, chuyển cơ quan công an truy cứu trách nhiệm hình sự đối với 1 cơ sở kinh doanh băng đĩa đòi truy.

**Hoạt động nghệ thuật:** Các đơn vị nghệ thuật tiếp tục cố gắng nâng cao chất lượng các chương trình biểu diễn. Trong 6 tháng đầu năm tổ chức gần 700 suất biểu diễn nghệ thuật (xiếc, hát bội, kịch ...) tại trung tâm. Đồng thời đã tổ chức 244 suất biểu diễn phục vụ ngoại thành, trường trại.; thu hút hơn 85 ngàn lượt người tới tham dự (trong đó có 55 suất phục vụ trường trại, và 189 suất phục vụ ngoại thành)

## 2. Y tế

### - Tình hình dịch bệnh:

**Bệnh sốt xuất huyết:** Tổng số ca sốt xuất huyết tính đến ngày 01/06 là 3.828 ca, tăng 104,9% so cùng kỳ (+1.960 ca); có 1 ca tử vong (cùng kỳ năm 2010 không có trường hợp nào tử vong). Thành phố đã chỉ đạo các Trung tâm Y tế Dự phòng chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống sốt xuất huyết, tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát các khu vực có ca bệnh, khống chế không để bệnh lây lan và bùng phát.

**Bệnh tay chân miệng:** Tổng số ca mắc tay chân miệng từ đầu năm đến 01/06 là 2.658 ca, tăng 126,4% so với cùng kỳ (+1.484 ca); có 12 ca tử vong, tăng 11 ca. Trên 70% số trẻ mắc bệnh là từ 0 – 3 tuổi; trong tổng số, 70% số trẻ em mắc bệnh là trẻ không đến trường học (ở tại gia đình) Nguyên nhân tăng do xuất hiện chủng virus mới (EV 71, genotype gần với B2), là chủng virus mới xuất hiện nên trẻ chưa có miễn dịch, khả năng mắc bệnh và lây lan cao. Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch tay chân miệng, ngành y tế thành phố đã thành lập 6 đoàn kiểm tra về công tác triển khai kế hoạch “Tháng cao điểm phòng chống tay chân miệng” tại các quận huyện; tổ chức tập huấn cho các quận, huyện, trường mầm non, nhà trẻ, các cơ sở điều trị công lập và ngoài công lập về vệ sinh khử khuẩn phòng bệnh và phát hiện sớm các dấu hiệu của bệnh tay chân miệng. Thành phố chỉ đạo các bệnh viện xây dựng kế hoạch chi tiết mua sinh phẩm xét nghiệm chẩn đoán bệnh tay chân miệng và miễn phí khám chữa bệnh cho trẻ dưới 5 tuổi mắc bệnh,

**Bệnh tả và nghi tả:** Từ đầu năm đến nay ghi nhận 1 trường hợp dương tính với phẩy khuẩn tả tại quận Thủ Đức. Thành phố đã tiến hành vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, đồng thời tuyên truyền người dân các biện pháp phòng ngừa bệnh tả trong cộng đồng.

**Bệnh sởi, Rubella:** Tính đến 01/06, số ca mắc bệnh sởi là 54 ca, giảm 498 ca so với cùng kỳ. Bệnh Rubella là 21 ca, tăng 40% (+6 ca).

**Bệnh thủy đậu, quai bị:** số ca mắc bệnh thủy đậu tính đến 1/6 là 250 ca, tăng 32,3% (+61 ca) so cùng kỳ; số ca mắc bệnh quai bị là 77 ca, giảm 24,5% (-25 ca).

**Cúm A/H1N1:** Từ đầu năm đến nay có 43 ca cúm A/H1N1, trong đó có 2 ca tử vong. Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát, khống chế không để bệnh lây lan và bùng phát; đồng thời tuyên truyền hướng dẫn người dân biết cách tự phòng bệnh, tự cách ly khi mắc bệnh để hạn chế lây lan cho người thân và cộng đồng.

- **Công tác khám chữa bệnh và điều trị:** Tổng số lượt người khám chữa bệnh trong 6 tháng đầu năm là 14.361,6 ngàn lượt, tăng 16,3% so cùng kỳ. Số bệnh nhân điều trị nội trú 572,3 ngàn lượt, tăng 3,8%. Số bệnh nhân điều trị ngoại trú là 2.318,2 ngàn lượt, tăng 8,9%.

- **Tiêm chủng mở rộng và chăm sóc sức khỏe trẻ em:** Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng mở rộng đủ là 40,7%, tăng 0,82% so cùng kỳ; tiêm VAT 2 cho thai phụ là 34,2%, tăng 5,5%.

### 3. Giáo dục

Toàn thành phố có 69.721 thí sinh dự thi tổ nghiệp phổ thông ở 111 hội đồng thi, trong đó hệ phổ thông có 58.095 thí sinh và 11.626 thí sinh hệ bổ túc. Tỷ lệ tốt nghiệp của hệ phổ thông là 96,67% (cao hơn tỷ lệ năm trước 2,08 điểm phần trăm); hệ bổ túc là 76,2% (cao hơn tỷ lệ năm trước 21,44 điểm phần trăm).

### 4. Thể dục thể thao

- **Phong trào thể thao quần chúng:** Trong 6 tháng đầu năm thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động thi đấu thể thao quần chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Đã tổ chức Giải thể thao Người khuyết tật thành phố với 4 môn thể thao thu hút hơn 200 VĐV của 12 đơn vị, giải tuyển chọn vận động viên chuẩn bị tham dự Giải người khuyết tật toàn quốc năm 2011 với 4 môn thi gồm điền kinh, bơi lội, bóng bàn, cầu lông dự kiến tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

- **Thể thao thành tích cao:** Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc và quốc tế, thành phố đã tổ chức tập huấn và tham dự thi đấu cho các HLV, VĐV và các chuyên gia cụ thể như sau:

+ Tập huấn trong nước cho 104 HLV, 496 VĐV, 5 chuyên gia.

- + Tập huấn nước ngoài: cử 15 HLV, 68 VĐV, 2 chuyên gia.
- + Cử 150 HLV, 1.194 VĐV, 8 chuyên gia, 17 trọng tài thuộc 28 môn tham dự 41 giải toàn quốc đạt: 174 HCV, 126 HCB, 120 HCD.
- + Cử 51 HLV, 204 VĐV, 3 chuyên gia thuộc 19 môn tham dự 35 giải Quốc tế đạt: 16 HCV, 14 HCB, 10 HCD. Trong đó giải Thế giới đạt: 2 HCV, 5 HCB, 3 HCD; giải Đông Nam Á đạt: 13 HCV, 8 HCB, 7 HCD.

#### **5. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 01/12/2010 đến 31/05/2011)**

- **Vi phạm kinh tế:** đã thụ lý và điều tra 155 vụ và 239 bị can. Trong đó bao gồm: tội phạm về chức vụ (11 vụ), xâm phạm sở hữu (32 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 11,2 tỷ đồng, xử phạt hành chính nộp ngân sách nhà nước trên 6,4 tỷ đồng.

- **Vi phạm môi trường:** Tình hình vi phạm pháp luật về môi trường vẫn còn phổ biến và chưa có chiều hướng cải thiện, thành phố đã củng cố công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Trong 6 tháng đầu năm đã phát hiện 189 vụ và xử lý 149 vụ vi phạm gây ô nhiễm môi trường, nộp ngân sách nhà nước 5,19 tỷ đồng.

- **Phạm pháp hình sự:** Đã xảy ra 2.536 vụ, giảm 7,1% (-194 vụ) so cùng kỳ, làm chết 93 người, bị thương 216 người, thiệt hại tài sản trên 72 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 1.723 vụ, bắt 2.361 người, triệt phá 357 băng nhóm, bắt 1.128 tên tội phạm hoạt động có tổ chức, trong đó có nhiều tổ chức hoạt động chuyên nghiệp.

#### **- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm về ma túy trên địa bàn thành phố là 848 vụ, bắt giữ 1.517 người mua bán ma túy, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Thu giữ trên 1,3 tỷ đồng, 12.237 USD và nhiều tang vật khác. Lập hồ sơ chuyển giao cho trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường, xã là 578 người.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 42 ổ mại dâm, bắt giữ 239 người tổ chức môi giới; chuyển giao 1.376 đối tượng gái mại dâm, lang thang, xin ăn, nghiện ma túy cho ngành Thương binh xã hội giáo dục và quản lý.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 674 vụ tổ chức cờ bạc với 3.334 người tham gia, thu giữ trên 2,7 tỷ đồng và một số tài sản khác.

#### **- Trật tự an toàn giao thông**

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 520 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 4,4% (+22 vụ) so cùng kỳ; làm chết 443 người, tăng 5,7% (+24 người); bị thương 283, tăng 45,9% (+89 người). Nguyên nhân chủ yếu do vi phạm Luật giao thông.

+ **Tai nạn giao thông đường thủy:** Đã xảy ra 11 vụ, tăng 5 vụ, so cùng kỳ, làm chết 2 người (+2 người), bị thương 5 người (+5 người).

+ **Tai nạn giao thông đường sắt:** Đã xảy ra 5 vụ, tăng 3 vụ so cùng kỳ năm trước, làm chết 5 người (+3 người).

- **Tai nạn cháy, nổ:** Trong 5 tháng đầu năm đã xảy ra 50 vụ cháy, giảm 51,5% (-53 vụ) so cùng kỳ; làm chết 3 người; bị thương 8 người; thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 4 tỷ đồng. Đã xảy ra 4 vụ nổ, tăng 2 vụ so cùng kỳ; làm chết 2 người, tăng 2 người; bị thương 11 người, tăng 9 người.

## 6. Giải quyết việc làm:

Trong 6 tháng đầu năm 2011, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút lao động và giải quyết việc làm cho 128,1 ngàn lượt người, đạt 48,3% kế hoạch, tăng 0,95% so cùng kỳ. Trong đó số lao động có việc làm ổn định là 87,2 ngàn người, tăng 4,1%, chiếm 68,1% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 52,1 ngàn chỗ làm, đạt 43,4% kế hoạch, tăng 0,2% so cùng kỳ năm trước.

Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay đã có 48,4 ngàn lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, trong đó có 34,4 ngàn người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp và 8,7 ngàn trường hợp đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp. Ngành lao động thành phố đã ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 30,3 ngàn người.

## 7. Chương trình xóa đói giảm nghèo:

Tính đến tháng 5/2011 theo chuẩn nghèo của thành phố (12 triệu đồng/người/năm) toàn thành phố còn 103,3 ngàn hộ nghèo, với 471.411 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 5,66 % tổng số hộ dân thành phố.

**Về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015:** Thành phố đã tổ chức rà soát số hộ nghèo và cận nghèo chuẩn quốc gia, tính đến tháng 4/2011 còn 157 hộ nghèo, chiếm 0,009% tổng hộ dân thành phố và 18.398 hộ cận nghèo, chiếm 1,01% tổng hộ dân thành phố.

**Về trợ cấp khó khăn cho người nghèo:** Thành phố đã thực hiện trợ cấp cho 363 hộ nghèo (có mức thu nhập từ 6 triệu đồng/người/năm trở xuống) với tổng số tiền 322,8 triệu đồng kịp thời trước tết nguyên đán. Bên cạnh đó các quận/huyện, phường/xã đã vận động quỹ xã hội từ thiện và các doanh nghiệp để hỗ trợ cho 3.467 hộ nghèo (không thuộc diện khó khăn đặc biệt) với tổng số tiền và quà là 3.577, 92 triệu đồng.

**Về hỗ trợ vốn:** Tính đến ngày 30/4 tổng quỹ XDGN là 235,035 tỷ đồng, tăng 2,653 tỷ đồng so với đầu năm. Quỹ đang trợ vốn cho 36.902 hộ nghèo, 188 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhận 1.632 lao động nghèo với số tiền 187,775 tỷ đồng. Quỹ Quốc gia về việc làm (Quỹ 71): tính đến 30/4 tổng quỹ là 225,193 tỷ đồng, từ

đầu năm đến nay đã xét duyệt cho 1.791 hộ vay, với 2.640 lao động, với số tiền 32,086 tỷ đồng.

**Chính sách ưu đãi xã hội cho hộ nghèo - người nghèo:** Tính đến 31/5, thành phố đã mua và cấp 210.388 thẻ BHYT cho người nghèo-hộ nghèo có mức thu nhập từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống. Trong năm học 2010- 2011 đã thực hiện miễn giảm học phí và cơ sở vật chất trường học cho 36.363 học sinh nghèo, số tiền miễn giảm là 10,632 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ gần 40% số học sinh là thành viên của hộ nghèo.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2011.

**Q. CỤC TRƯỞNG**

**Lê Thị Thanh Loan**

**STATISTICS**  
**THỐNG KÊ**

**CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH**  
**PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP**  
**ĐT: 38 299 838, 38 244 733**